

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST

Ngày: 15/5/2023

V/v Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Bà Bùi Thị R, sinh năm 1968

Địa chỉ: 219B ấp 2A, xã N, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Anh Th, sinh năm 1996. Địa chỉ: 92 ấp An B, xã An H, huyện C, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn: Ông Diệp Trí Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: 112A khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Phi Y, sinh năm 1993

Địa chỉ: 680A, ấp N, xã Nh, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt)

2. Công ty TNHH K

Trụ sở: 112A khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Phi Y – Chức vụ Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Anh Th trình bày:

Vào năm 2021 ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị R có cho ông Diệp Trí Q vay số tiền 2.425.000.000 đồng dùng để làm ăn và chi tiêu trong gia đình, không tính lãi suất. Ngày 12/9/2021 ông T bà R yêu cầu ông Q trả số tiền 2.425.000.000 đồng để ông bà trả nợ ngân hàng vì ông bà không còn khả năng đóng lãi ngân hàng nữa thì ông Q có viết giấy cam kết. Trong giấy cam kết này bà Võ Phi Y là vợ ông Q, đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH K ký xác nhận bảo lãnh nhận nợ, có đóng dấu của Công ty TNHH K. Nội dung giấy cam kết là trong vòng 10 đến 12 ngày ông Q sẽ trả cho ông T bà R số tiền 400.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả trong vòng 04 đến 05 tháng sẽ trả đủ, mỗi tháng chia làm 02 lần, mỗi lần từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng. Theo giấy cam kết thì đến hết ngày 13/02/2022 thì ông Q phải trả cho ông T bà R hết số nợ 2.425.000.000 đồng. Tuy nhiên tính đến ngày 27/3/2022 ông Q chỉ trả cho ông T bà R được số tiền 330.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn, mặc dù ông T bà R đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng ông Q cứ hẹn và không thực hiện.

Nay ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R yêu cầu ông Diệp Trí Q, bà Võ Phi Y và Công ty TNHH K liên đới trả số tiền còn nợ là 2.095.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 227.789.350 đồng

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Diệp Trí Q, người có quyền lợi nghĩa vụ bà Võ Phi Y, Công ty TNHH K (người đại diện theo pháp luật là bà Võ Phi Y) vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông Diệp Trí Q, người có quyền lợi nghĩa vụ bà Võ Phi Y, Công ty TNHH K (người đại diện theo pháp luật là bà Võ Phi Y) không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R. Buộc ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R là 2.095.000.000 đồng (tiền gốc) và tiền lãi theo quy định. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R về việc buộc Công ty TNHH K

liên đới cùng ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y trả số tiền còn nợ. Buộc ông Q bà Y phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Diệp Trí Quang và người liên quan là bà Võ Phí Y, Công ty TNHH K liên đới trả số tiền đã vay, đồng thời ông Q có nơi cư trú tại phường Phú Tân, thành phố Bến Tre nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Diệp Trí Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ Phí Y, Công ty TNHH K (đại diện theo pháp luật là bà Võ Phi Y) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R khởi kiện yêu cầu ông Diệp Trí Q, bà Võ Phí Y, Công ty TNHH K liên đới trả số tiền vay còn nợ là 2.095.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm chín lăm triệu đồng) và tính lãi từ ngày 12/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ khởi kiện của ông T bà R là “Giấy cam kết” đề ngày 12/9/2021 do ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y ký tên và có đóng dấu treo của Công ty TNHH K. Xét thấy, Giấy cam kết” đề ngày 12/9/2021 theo lời trình bày của ông Thơ bà R là do ông Q viết và ký tên, đồng thời có chữ ký của bà Võ Phi Y là vợ của ông Q. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông Diệp Trí Q và bà Võ Phi Y có vay của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R số tiền 2.425.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng), “cậu mợ Bảy T” trong giấy cam kết là ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R. Nội dung giấy cam kết thể hiện ông Q có vay của ông T bà R số tiền 2.425.000.000 đồng, trong vòng 10 đến 12 ngày ông Q sẽ trả cho ông T bà R số tiền 400.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả trong vòng 04 đến 05 tháng sẽ trả đủ, mỗi tháng chia làm 02 lần, mỗi lần từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Q chỉ trả cho ông T bà R số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn lại cho ông T bà R là 2.095.000.000 đồng. Mặc dù, ông T bà R đã nhiều lần yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng ông Q không thực hiện, do đó ông T bà R khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận, số tiền buộc ông Diệp Trí Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn văn T bà Bùi Thị R số tiền 2.095.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu của ông T bà R về việc yêu cầu bà Võ Phi Y có trách nhiệm liên đới cùng ông Diệp Trí Q trả số tiền 2.095.000.000 đồng cho ông bà. Xét thấy “Giấy cam kết” đề ngày 21/9/2021 có chữ ký của bà Võ Phi Y cùng ông Diệp Trí Q cam kết trả nợ cho ông T bà R, điều này thể hiện bà Y biết việc ông Q vay tiền của ông T bà R, đồng thời ông Q bà Y là vợ chồng, việc ông Q vay tiền để phục vụ việc phát triển kinh tế chung nên chấp nhận yêu cầu của ông T bà R, buộc bà Võ Phi Y có trách nhiệm cùng ông Diệp Trí Q liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R số tiền 2.095.000.000 đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu của ông T bà R về việc yêu cầu Công ty TNHH K do bà Võ Phi Y làm Giám đốc có trách nhiệm liên đới cùng ông Q bà Y trả nợ cho ông bà, căn cứ ông bà yêu cầu là do “Giấy cam kết” đề ngày 21/9/2021 có chữ ký của bà Võ Phi Y cùng ông Diệp Trí Q cam kết trả nợ cho ông T bà R, đồng thời có đóng dấu của Công ty TNHH K trên góc trái của Giấy cam kết. Xét thấy, ông Q bà Y vay tiền của ông T bà R với tư cách là cá nhân, việc đóng dấu của Công ty TNHH K trên góc trái của giấy cam kết không có giá trị thể hiện được việc Công ty TNHH K có vay tiền của ông T bà R nên không chấp nhận yêu cầu này của ông bà.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R yêu cầu ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y trả lãi chậm trả từ ngày 12/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi tính là 99.114.450 đồng. Xét thấy, ông Q bà Y cam kết trả nợ nhưng khi đến hạn ông bà không trả đủ tiền vay cho ông T bà R nên việc ông T bà R yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả là có căn cứ. Lãi suất ông T bà R yêu cầu là 0,83%/tháng, lãi suất này không vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, thời gian từ ngày 12/4/2022 đến 15/5/2023 (ngày xét xử) là 13 tháng 03 ngày nên số tiền lãi được tính như sau:

$2.095.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 13 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 227.789.350 \text{ đồng}$

Như vậy, tổng số tiền buộc ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R là 2.095.000.000 đồng (tiền gốc) + 227.789.350 đồng (lãi) = 2.322.789.350 đồng

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R được chấp nhận nên ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 2.322.789.350 đồng, cụ thể: $2.194.114.450 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt } 2.000.000.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 322.789.350 \text{ đồng}) = 78.455.787 \text{ đồng}.$

Do yêu cầu của ông T bà R được chấp nhận nên ông bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R đối với ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y, cụ thể:

Buộc ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R số tiền 2.322.789.350 đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu bảy trăm tám chín nghìn ba trăm năm mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 2.095.000.000 đ (Hai tỷ chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 227.789.350 đ (Hai trăm hai bảy triệu bảy trăm tám chín nghìn ba trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R về việc buộc Công ty TNHH K liên đới cùng ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y trả số tiền 2.322.789.350 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 78.455.787 đồng, buộc ông Diệp Trí Q bà Võ Phi Y liên đới nộp.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T bà Bùi Thị R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.941.000 đ (Ba bảy triệu chín trăm bốn một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010099 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở